

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH CAO BẰNG**

Số: 1516 /TTr-UBND

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Cao Bằng, ngày 15 tháng 6 năm 2022

TỜ TRÌNH

**Dự thảo Nghị quyết Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý
và sử dụng lệ phí đăng ký cư trú trên địa bàn tỉnh Cao Bằng**

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng

Thực hiện quy định của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015; Thông báo số 120/TB-HĐND ngày 06/5/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh thông báo thời gian, nội dung, chương trình và phân công chuẩn bị cho Kỳ họp thường lệ giữa năm 2022 Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng khóa XVII, nhiệm kỳ 2021-2026. Ủy ban nhân dân tỉnh đã xây dựng xong dự thảo Nghị quyết, kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, ban hành Nghị quyết Quy định về mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí đăng ký Cư trú trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH VĂN BẢN

1. Cơ sở pháp lý

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Phí và lệ phí ngày 25 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Luật Cư trú ngày 13 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Luật Căn cước công dân ngày 20 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật phí và lệ phí;

Căn cứ Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26 tháng 11 năm 2021 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và

lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Thông tư số 59/2019/TT-BTC, ngày 30/8/2019 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý lệ phí cấp Căn cước công dân.

2. Sự cần thiết ban hành văn bản

2.1. Đối với lệ phí Cư trú

Hiện nay, lệ phí đăng ký Cư trú trên địa bàn tỉnh Cao Bằng đang được thực hiện theo Nghị quyết số 79/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của Hội đồng nhân dân Quy định về mức thu, chế độ thu, nộp lệ phí trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.

Ngày 13/11/2020, Quốc hội khóa XIV thông qua Luật Cư trú năm 2020, có hiệu lực thi hành ngày 01/7/2021. Ngày 29/6/2021, Chính phủ ban hành Nghị định số 62/2021/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều của Luật Cư trú. Ngày 06/7/2021, Bộ trưởng Bộ Công an ban hành Quyết định số 5548/QĐ-BCA-C06 về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, sửa đổi, bổ sung và bị bãi bỏ trong lĩnh vực đăng ký Cư trú thuộc thẩm quyền giải quyết của Bộ Công an. Qua đó, đã bãi bỏ hình thức quản lý dân cư đăng ký thường trú bằng sổ hộ khẩu, đăng ký tạm trú bằng sổ tạm trú và thay thế bằng hình thức quản lý dân cư thông qua mã số định danh cá nhân và các thủ tục liên quan đến sổ hộ khẩu, sổ tạm trú, điều chỉnh những thay đổi trong sổ hộ khẩu, sổ tạm trú đã được bãi bỏ.

Căn cứ quy định tại điểm d, khoản 2, Điều 1 - Thông tư số 106/TT-BTC ngày 26/11/2021 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có hiệu lực từ ngày 10/01/2022, thì lệ phí đăng ký Cư trú là khoản thu đối với người được cơ quan đăng ký Cư trú giải quyết việc đăng ký Cư trú theo quy định của pháp luật về cư trú thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

2.2. Đối với lệ phí cấp Căn cước công dân

- Theo Luật Căn cước công dân, Thủ trưởng cơ quan quản lý Căn cước công dân của Bộ Công an có thẩm quyền cấp, đổi, cấp lại thẻ Căn cước công dân. Theo Luật phí và Lệ phí, Bộ Tài chính quy định lệ phí cấp Căn cước công dân đối với hoạt động do cơ quan Trung ương cấp. Hiện nay, lệ phí Căn cước công dân được thực hiện theo Thông tư số 59/2019/TT-BTC, ngày 30/8/2019 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý lệ phí cấp Căn cước công dân.

- Thực hiện Luật Căn cước công dân năm 2014 thì việc cấp Chứng minh nhân dân đã dừng thực hiện để chuyển sang cấp Căn cước công dân; theo đó, việc thu lệ phí cấp Chứng minh nhân dân theo quy định tại khoản 1 Điều 1 Quy định mức thu, chế độ thu, nộp lệ phí trên địa bàn tỉnh Cao Bằng ban hành kèm theo Nghị quyết số 79/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của

Hội đồng nhân dân tỉnh không còn phù hợp. Do đó, cần bãi bỏ quy định về lệ phí cấp Chứng minh nhân dân quy định tại Nghị quyết 79/2016/NQ-HĐND.

Do đó, theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật thì Nghị quyết số 79/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của Hội đồng nhân dân quy định về mức thu, chế độ thu, nộp lệ phí trên địa bàn tỉnh Cao Bằng cần được sửa đổi, thay thế cho phù hợp với các quy định hiện hành.

Xuất phát từ tình hình thực tế trên, để đáp ứng với thực tiễn và phù hợp với các văn bản pháp luật hiện hành thì việc sửa đổi, thay thế Nghị quyết số 79/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng là rất cần thiết.

II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM CHỈ ĐẠO VIỆC XÂY DỰNG NGHỊ QUYẾT

1. Mục đích

- Thiết lập khung pháp lý đầy đủ, đồng bộ; đảm bảo thực hiện theo đúng quy định của pháp luật về mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí đăng ký Cư trú, Căn cước công dân trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.

- Đảm bảo chính sách công khai, minh bạch, dễ hiểu, dễ thực hiện, tạo điều kiện thuận lợi cho người dân trong quá trình làm thủ tục đăng ký Cư trú.

2. Quan điểm chỉ đạo

- Phù hợp với quy định của Hiến pháp năm 2013, Luật Cư trú năm 2020, Luật Căn cước công dân.

- Đảm bảo trình tự, thủ tục xây dựng ban hành văn bản quy phạm pháp luật theo quy định Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật và Nghị định số 34/2016/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

- Đảm bảo về điều kiện phù hợp với tình hình thực tế giải quyết công tác đăng ký cư trú dân trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.

3. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

- Phạm vi điều chỉnh: Nghị quyết quy định về mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí đăng ký Cư trú trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.

- Đối tượng áp dụng:

+ Cơ quan thực hiện đăng ký, quản lý Cư trú trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.

+ Hộ gia đình hoặc cá nhân làm thủ tục đăng ký cư trú tại cơ quan đăng ký, quản lý cư trú trên địa bàn theo quy định của pháp luật về Cư trú.

III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

Ủy ban nhân dân tỉnh giao Công an tỉnh là cơ quan chủ trì soạn thảo dự thảo Nghị quyết, trong quá trình xây dựng dự thảo Nghị quyết, cơ quan chủ trì phối hợp với các cơ quan liên quan xác định mức thu; tham khảo quy định của một số tỉnh đã ban hành quy định; soạn thảo dự thảo xin ý kiến các sở, ngành,

UBND các huyện, thành phố và các cơ quan, đơn vị có liên quan; đã tiến hành đăng tải dự thảo Nghị quyết trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh và Cổng thông tin điện tử Công an tỉnh; tổng hợp ý kiến góp ý của các tổ chức, cá nhân, hoàn thiện dự thảo Nghị quyết.

Các cơ quan, đơn vị đều nhất trí sự cần thiết, nội dung và dự thảo Nghị quyết: Tổng số cơ quan, đơn vị tham gia ý kiến: 22, trong đó:

- Ý kiến nhất trí hoàn toàn với dự thảo: 15 ý kiến;
- Ý kiến đóng góp: 07 ý kiến, đã được Cơ quan chủ trì soạn thảo tiếp thu, chỉnh sửa và giải trình cụ thể.

IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

1. Bố cục: Dự thảo nghị quyết gồm 04 điều (*Có dự thảo Nghị quyết kèm theo*)

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng.

Điều 2. Quy định về mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí.

Điều 3. Tổ chức thực hiện.

Điều 4. Hiệu lực thi hành.

2. Nội dung cơ bản

2.1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết Quy định về mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí đăng ký Cư trú trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.

2.2. Đối tượng áp dụng

a) Đối tượng nộp lệ phí: Hộ gia đình và cá nhân có nhu cầu làm thủ đăng ký cư trú tại cơ quan đăng ký, quản lý cư trú trên địa bàn tỉnh Cao Bằng theo quy định của pháp luật gồm: Đăng ký thường trú; Đăng ký tạm trú cả hộ hoặc một người; Gia hạn tạm trú cả hộ hoặc một người; Tách hộ; Điều chỉnh thông tin về cư trú trong Cơ sở dữ liệu về cư trú; xác nhận thông tin về cư trú.

b) Cơ quan thực hiện đăng ký, quản lý cư trú trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.

2.3. Đối tượng miễn lệ phí

Miễn thu lệ phí đối với trẻ em (*dưới 16 tuổi*); người thuộc hộ nghèo, cận nghèo, người cao tuổi (*đủ 60 tuổi trở lên*), người khuyết tật; đồng bào dân tộc thiểu số ở các xã có điều kiện kinh tế đặc biệt khó khăn; Bố, mẹ, vợ (hoặc chồng), con dưới 18 tuổi của liệt sĩ; thương binh, con dưới 18 tuổi của thương binh; bà mẹ Việt Nam anh hùng, người có công với cách mạng; các trường hợp điều chỉnh những thay đổi thông tin về cư trú khi Nhà nước quy định thay đổi địa giới hành chính, khi có sai sót thông tin về cư trú do lỗi của cơ quan đăng ký Cư trú.

2.4. Cơ quan thu lệ phí: Công an các xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.

2.5. Mức thu lệ phí

Căn cứ điểm đ, khoản 3, Điều 1 - Thông tư số 106/2021/TT-BTC) quy định: "*Căn cứ điều kiện thực tế của địa phương để quy định mức thu lệ phí phù hợp, đảm bảo nguyên tắc sau:* Mức thu lệ phí đối với việc đăng ký cư trú tại cơ quan đăng ký cư trú thuộc thành phố trực thuộc Trung ương cao hơn mức thu đối với các khu vực khác". Trên cơ sở kết quả so sánh mức thu lệ phí đăng ký cư trú tại thành phố trực thuộc Trung ương là Thành phố Hà Nội, Ủy ban nhân dân tỉnh đưa ra mức thu lệ phí cụ thể như sau:

STT	Danh mục thu lệ phí	Đơn vị tính	Mức thu	
			Các phường thuộc địa bàn thành phố	Các xã, thị trấn thuộc địa bàn các huyện, thành phố
1	Đăng ký thường trú, đăng ký tạm trú cả hộ hoặc một người	đồng/lần đăng ký	14.000	7.000
2	Đăng ký tạm trú theo danh sách	đồng/người/lần đăng ký	14.000	7.000
3	Tách hộ, xác nhận thông tin về cư trú	đồng/lần đăng ký, xác nhận	8.000	4.000
4	Điều chỉnh thông tin về cư trú trong Cơ sở dữ liệu về cư trú	đồng/lần điều chỉnh	8.000	4.000
5	Gia hạn tạm trú cả hộ hoặc một người	đồng/lần gia hạn	8.000	4.000
6	Gia hạn tạm trú theo danh sách	đồng/người/lần gia hạn	8.000	4.000

2.6. Chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí

- Cơ quan thu lệ phí có nhiệm vụ tổ chức thu lệ phí đăng ký Cư trú và sử dụng biên lai thu lệ phí theo quy định hiện hành về phát hành, quản lý và sử dụng biên lai.

- Cơ quan thu lệ phí thực hiện nộp 100% lệ phí thu được vào ngân sách nhà nước và thực hiện kê khai, nộp lệ phí theo tháng, quyết toán lệ phí theo năm theo quy định của pháp luật quản lý thuế (*quy định tại Điều 3, Nghị định số 120/2016/NQ-CP, ngày 23/8/2016 của Chính phủ*).

Trên đây là Tờ trình dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí đăng ký Cư trú trên địa bàn tỉnh Cao Bằng, Ủy ban nhân dân tỉnh kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

Gửi kèm theo Tờ trình này:

(1) *Dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí đăng ký cư trú trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.*

(2) *Báo cáo thẩm định số 84/BC-STP ngày 31/5/2022 của Sở Tư pháp.*

(3) *Báo cáo số 2268/CAT-QLHC ngày 06/6/2022 của Công an tỉnh về việc giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định về dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí đăng ký cư trú trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.*

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các Ban HĐND tỉnh;
- Công an tỉnh; sở Tư pháp, sở Tài chính;
- Các Ủy viên UBND tỉnh;
- LĐVP UBND tỉnh, CV: NC, TH;
- Lưu: VT, NC.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Hoàng Xuân Ánh

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH CAO BẰNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /2022/NQ-HĐND

Cao Bằng, ngày tháng năm 2022

DỰ THẢO

NGHỊ QUYẾT

**Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí
đăng ký Cư trú trên địa bàn tỉnh Cao Bằng**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH CAO BẰNG
KHÓA XVII KỲ HỌP THỨ 7**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6
năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy
phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

Căn cứ Luật Phí và lệ phí ngày 25 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Luật Cư trú ngày 13 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Luật Căn cước công dân ngày 20 tháng 11 năm 2014;

*Căn cứ Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính
phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật phí và lệ phí;*

*Căn cứ Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Bộ
trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định
của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;*

*Căn cứ Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26 tháng 11 năm 2021 của
Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số
85/2019/TT-BTC ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính
hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân
dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;*

*Căn cứ Thông tư số 59/2019/TT-BTC, ngày 30 tháng 8 năm 2019 của
Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý lệ phí
cấp Căn cước công dân.*

*Xét Tờ trình số /TTr-UBND ngày.....tháng 7 năm 2022 của Ủy ban
nhân dân tỉnh Cao Bằng về dự thảo Nghị quyết Quy định về mức thu, chế độ thu,
nộp, quản lý và sử dụng lệ phí đăng ký Cư trú trên địa bàn tỉnh Cao Bằng; Báo
cáo thẩm tra của Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại
biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.*

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này Quy định về mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí đăng ký Cư trú trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.

2. Đối tượng áp dụng

a) Đối tượng nộp lệ phí: Hộ gia đình và cá nhân có nhu cầu làm thủ đăng ký cư trú tại cơ quan đăng ký, quản lý cư trú trên địa bàn tỉnh Cao Bằng theo quy định của pháp luật gồm: Đăng ký thường trú; Đăng ký tạm trú cả hộ hoặc một người; Gia hạn tạm trú cả hộ hoặc một người; Tách hộ; Điều chỉnh thông tin về cư trú trong Cơ sở dữ liệu về cư trú; xác nhận thông tin về cư trú.

b) Cơ quan thực hiện đăng ký, quản lý cư trú trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.

3. Đối tượng miễn lệ phí

Miễn thu lệ phí đối với trẻ em (*dưới 16 tuổi*); người thuộc hộ nghèo, cận nghèo, người cao tuổi (*đủ 60 tuổi trở lên*), người khuyết tật; đồng bào dân tộc thiểu số ở các xã có điều kiện kinh tế đặc biệt khó khăn; Bố, mẹ, vợ (hoặc chồng), con dưới 18 tuổi của liệt sĩ; thương binh, con dưới 18 tuổi của thương binh; bà mẹ Việt Nam anh hùng, người có công với cách mạng; các trường hợp điều chỉnh những thay đổi thông tin về cư trú khi Nhà nước quy định thay đổi địa giới hành chính, khi có sai sót thông tin về cư trú do lỗi của cơ quan đăng ký cư trú.

Điều 2. Mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí

1. Cơ quan thu lệ phí: Công an các xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.

2. Mức thu lệ phí

ST T	Danh mục thu lệ phí	Đơn vị tính	Mức thu	
			Các phường thuộc địa bàn thành phố	Các xã, thị trấn thuộc địa bàn các huyện, thành phố
1	Đăng ký thường trú, đăng ký tạm trú cả hộ hoặc một người	đồng/lần đăng ký	14.000	7.000
2	Đăng ký tạm trú theo danh sách	đồng/người/lần đăng ký	14.000	7.000
3	Tách hộ, xác nhận thông tin về cư trú	đồng/lần đăng ký, xác nhận	8.000	4.000
4	Điều chỉnh thông tin về cư trú trong Cơ sở dữ liệu về cư trú	đồng/lần điều chỉnh	8.000	4.000
5	Gia hạn tạm trú cả hộ hoặc một người	đồng/lần gia hạn	8.000	4.000

ST T	Danh mục thu lệ phí	Đơn vị tính	Mức thu	
			Các phường thuộc địa bàn thành phố	Các xã, thị trấn thuộc địa bàn các huyện, thành phố
6	Gia hạn tạm trú theo danh sách	đồng/người/lần gia hạn	8.000	4.000

3. Chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí

a) Cơ quan thu lệ phí có nhiệm vụ tổ chức thu lệ phí đăng ký cư trú và sử dụng biên lai thu lệ phí theo quy định hiện hành về phát hành, quản lý và sử dụng biên lai.

b) Cơ quan thu lệ phí thực hiện nộp 100% lệ phí thu được vào ngân sách nhà nước và thực hiện kê khai, nộp lệ phí theo tháng, quyết toán lệ phí theo năm theo quy định của pháp luật quản lý thuế.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này và báo cáo kết quả với Hội đồng nhân dân tỉnh theo quy định.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Điều 4. Hiệu lực thi hành

1. Nghị quyết này bãi bỏ khoản 1 Điều 1 quy định mức thu, chế độ thu, nộp lệ phí trên địa bàn tỉnh Cao Bằng ban hành kèm theo Nghị quyết số 79/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng.

2. Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng khóa XVII, Kỳ họp thứ.....thông qua ngày.....tháng.....năm 2022 và có hiệu lực từ ngày....tháng....năm 2022./.

Nơi nhận:

- Ủy ban TV Quốc hội, Chính phủ;
- Ban Công tác Đại biểu;
- Bộ Công an;
- Cục KTVB QPPL - Bộ Tư pháp;
- TT TU, HĐND, UBND, Đoàn ĐBQH tỉnh;
- UBMTTQ VN và các đoàn thể tỉnh;
- Các Ban HĐND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành thuộc tỉnh;
- TT HU, HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- Văn phòng TU, Đoàn ĐBQH - HĐND, UBND tỉnh;
- Chuyên viên VP Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Công Thông tin điện tử tỉnh Cao Bằng;
- Báo Cao Bằng, Đài PTTH tỉnh;
- Lưu: VT, TH.

CHỦ TỊCH

Triệu Đình Lê